

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Len

2. Bà Trần Thị Gấm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lô Thị H - Sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn P, xã P, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: anh Trương Văn X - Sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn P, xã P, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2023, bản tự khai ngày 06/7/2023, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/7/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lô Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh Trương Văn X tự nguyện kết hôn với nhau và có giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã X, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/4/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên không thể hòa hợp, hai bên thường xuyên xảy ra tranh cãi, chửi bới. Từ năm 2013 chị H và anh X đã sống ly thân cho đến nay, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau.

Nay xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Văn X.

Về con chung, chị H trình bày: Chị và anh X có 01 con chung là: Trương Văn N, sinh ngày 10/9/2011. Hiện nay cháu N đang ở với anh X và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Ly hôn, chị đề nghị anh X trực tiếp nuôi cháu Trương Văn N, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh X mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị Lô Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H đề nghị được chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Hà Thị Phụng còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: giấy chứng nhận kết hôn; bản sao chứng thực giấy khai sinh, căn cước công dân và giấy chứng minh nhân dân, xác nhận thông tin về cư trú; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/9/2022. Sau khi thụ lý vụ án, chị H nộp thêm đơn đề nghị không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đơn xin xét xử vắng mặt.

** Ý kiến của bị đơn Trương Văn X:*

Về hôn nhân: Tại bản tự khai ngày 26/6/2023 anh X công nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như chị H đã trình bày. Từ năm 2013, chị H bỏ con lại cho một mình anh chăm sóc, từ đó hai bên sống ly thân cho đến nay, không liên lạc, không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Nay chị H làm đơn ra Tòa án xin ly hôn, xét thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Lô Thị H.

Về con chung, anh X công nhận, anh và chị H có 01 con chung là: Trương Văn N, sinh ngày 10/9/2011. Ly hôn, anh X xin được trực tiếp nuôi cháu N và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản và công nợ: Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kèm theo bản tự khai, anh X đã nộp cho Tòa án đơn đề nghị của cháu N, đơn xin xét xử vắng mặt và bản sao giấy chứng minh nhân dân.

** Ý kiến của con chưa thành niên:* Tại đơn đề nghị ngày 26/6/2023, cháu Trương Văn N trình bày nguyện vọng: Nếu chị H và anh X ly hôn thì cháu xin được ở với anh X.

Phân tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh,

tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H và anh X đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật TTDS, Tòa án huyện Như Thanh tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh X.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Lô Thị H và anh Trương Văn X tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa 25/4/2011. Vì vậy, hôn nhân giữa chị H và anh X là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các điều 8; 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, quan điểm nên không thể hòa hợp; vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên tranh cãi, chửi bới. Chị H và anh X đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau; chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh X đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Lô Thị H và anh Trương Văn X là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 55 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Xét nguyện vọng của chị H và anh X về trách nhiệm nuôi con chung thấy rằng: Anh chị đều đề nghị giao cháu Trương Văn N cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, chị H còn đề nghị được cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh X mỗi tháng 1.000.000 đồng. Nguyện vọng của chị H và anh X phù hợp với nguyện vọng của cháu Trương Văn N, phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với khoản 2 điều 81 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[5] *Về tài sản và công nợ:* Chị Lô Thị H và anh Trương Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Lô Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia Đình;

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Lô Thị H và anh Trương Văn X; cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Xử cho Lô Thị H được ly hôn anh Trương Văn X.

Về con chung: Giao cho anh Trương Văn X trực tiếp nuôi con chung của anh chị là cháu Trương Văn N, sinh ngày 10/9/2011; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh X mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian tính từ tháng 8/2023 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi. Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền án phí chị H phải chịu được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai số AA/2021/0003922, ngày 26/5/2023. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- UBND xã X, H. Như Thanh
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy